

NHÂN VĂN – GIAI PHẨM VÀ CHUNG CỤC CỦA MỘT GIAI ĐOẠN VĂN CHƯƠNG

Vũ Công Hào

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Nhân văn - Giai phẩm cùng các hoạt động nghiên cứu, phê bình, sáng tác chỉ tồn tại ngắn 2 năm (1956-1957), song những hệ lụy và bi kịch sẽ còn đeo đẳng các thành viên trong nhóm gần như đến tận cuối đời họ. Bài viết này cung cấp thêm một số tư liệu từ chính các sáng tác, ấn phẩm họ đã công bố, không phải để góp phần giải oan, mà để giúp bạn đọc có cái nhìn trở lại người và việc đã qua.

Từ khóa: Nhân văn - Giai phẩm; oan sai; vụ án văn chương.

Nhận bài ngày 15.8.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 26.9.2025 Liên hệ tác giả: Vũ Công Hào; Email: vchao@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hơn sáu mươi năm đã trôi qua kể từ ngày “Nhân văn - Giai phẩm” mắc “trọng tội”. Cả những người “kết tội” và bị “khép tội” đều đã trở thành người “thiên cổ”; nhưng nỗi “oan sai” thì vẫn còn đó. Từ cuối thế kỉ trước, Đảng, Nhà nước, Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Nhà văn,... đã tiến hành nhiều hoạt động “giải oan”, phục hồi danh dự và giá trị sáng tác cho họ; một số trí thức, văn nghệ sĩ trong nhóm, thậm chí, còn được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật. Tuy vậy, trong kí ức của đông đảo bạn đọc yêu thích văn học nước nhà, biết cảm phục và trân trọng tâm huyết, nỗ lực sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ với đất nước, nhất là bạn đọc trẻ hiện nay, câu chuyện mang màu sắc chính trị, định kiến, khốc liệt của thế kỉ XX liên quan đến cuộc đời, số phận và sáng tác của họ vẫn còn nhiều điểm mờ, chưa được nói kĩ. Trong bài viết này, chúng tôi không bình luận về những đúng sai, chỉ xin đưa ra thêm một số dữ liệu để bạn đọc có cái nhìn chính xác và khách quan hơn về những năm tháng đáng quên đó của một thời.

2. NỘI DUNG

2.1. Vài nét về “Nhân văn - Giai phẩm”

Cho đến tận hôm nay, các hồ sơ, tài liệu lưu trữ sự thật đầy đủ, toàn cảnh về “Nhân văn - Giai phẩm” vẫn chưa được công bố rộng rãi, vì người ta vẫn chưa xóa được thành kiến coi nó là một phong trào, “tổ chức chính trị phản động” chống phá kịch liệt đường lối lãnh đạo của Đảng, Nhà nước chứ không phải là một xu trào thức thời và mạnh dạn, dám cất lên tiếng nói đấu tranh cho sự phát triển thực chất của nền văn nghệ cách mạng mới và sự tự do dân chủ trong sáng tạo nghệ thuật của một nhóm văn nghệ sĩ. Ngoài sức phổ biến, lan tỏa đầy uy hiếp từ những lời kết tội chí mạng của “du luận” trong cuốn “*Bọn Nhân văn - Giai phẩm trước tòa án du luận*” [1], trên các “kênh” thông tin chính thống, công chúng độc giả nói chung vẫn chỉ biết một cách “lờ mờ” và bị đeo bám dai dẳng ấn tượng không mấy thiện cảm về “Nhân văn - Giai phẩm” với những “lời bạt” đại loại như sau: “*Nhân văn - Giai phẩm là phong trào đòi hỏi tự do dân chủ của văn nghệ sĩ và trí thức miền Bắc, có tầm vóc lớn lao, khởi xướng đầu năm 1955 và bị chính thức dập tắt vào tháng 6 năm 1958*”; “*Phong trào Nhân văn - Giai phẩm là một phong trào văn hóa mang xu hướng chính trị của một số văn nghệ sĩ, trí thức sống ở miền Bắc dưới chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng*

hòa, khởi xướng đầu năm 1955 và chính thức bị kết thúc vào tháng 6 năm 1958. Phong trào này tuyên bố mục tiêu là đòi tự do thể hiện quan điểm chính trị cho giới nghệ sĩ. Tuy nhiên, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho rằng, phong trào đã lợi dụng việc sáng tác văn nghệ để tuyên truyền chống Nhà nước, khởi nguồn từ một nhóm trí thức bị tình báo nước ngoài được cài ở miền Bắc lôi kéo, nhằm phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực văn hóa văn nghệ, phủ nhận quyền lãnh đạo chính trị và nhà nước duy nhất của Đảng Lao động Việt Nam, gây phương hại đến sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước” [2]...

Thực tế, nhóm “Nhân văn - Giai phẩm” được hình thành bắt đầu từ sự đồng quan điểm trong đánh giá, phê bình sự non kém của Tố Hữu về “tay nghề” và chất lượng nghệ thuật tập thơ *Việt Bắc*; từ sự thẳng thắn trao đổi, bàn luận và mạnh dạn đề xuất một số kiến nghị, yêu cầu cải cách chính sách văn nghệ trong quân đội, tôn trọng tự do dân chủ trong sáng tác, phản đối lãnh đạo văn nghệ độc tài... của một số văn nghệ sĩ, nhà thơ công tác trong ngành quân đội như Trần Dần, Tử Phác, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Phùng Quán,... Như nhà thơ Lê Đạt kể, sau vụ phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu năm 1955, Trần Dần và Tử Phác bị giam 3 tháng kiểm thảo trong quân đội. Khi hai người được ra, Lê Đạt có ý kiến đề cách tân thơ ca Việt Nam, thoát khỏi ảnh hưởng của *Thơ Mới*, bây giờ phải làm sao mà in được một tập thơ, trái với nguyên tắc lúc bấy giờ - nghĩa là không bị kiểm duyệt gì cả. Sẽ là một tập tự do sáng tác hoàn toàn, tức là mỗi cá nhân đều chịu trách nhiệm về bài của mình và không có kiểm duyệt. Tập thơ mang tên “*Giai phẩm Mùa xuân*” xuất bản vào tháng 1 năm 1956. Hoàng Cầm và Lê Đạt là hai người làm chính đi thu thập sáng tác của mọi người và mang đi in, vì trong thời gian này Trần Dần cùng Tử Phác đang đi tham gia Cải cách ruộng đất cách Hà Nội 12 cây số. Bài thơ Nhất định thắng của Trần Dần làm xương sống của cả quyển (...). Sau Tết năm đó, Lê Đạt phải lên Tuyên Huấn trung ương làm kiểm thảo 15 ngày, Trần Dần và Tử Phác bị bắt, Giai phẩm Mùa xuân bị tịch thu [3].

Như thế, “Nhân văn - Giai phẩm” không phải là một tổ chức hay phong trào chính trị có cương lĩnh, chủ đích hay ý đồ định trước, nó thực ra chỉ là một nhóm tự phát văn nghệ sĩ muốn có một diễn đàn, ấn phẩm riêng; muốn bày tỏ quan điểm riêng về bản chất, nguyên tắc của sáng tạo nghệ thuật và quyền tự do sáng tác chính đáng, không được can thiệp, áp chế thô bạo của văn nghệ sĩ. “Nhân văn - Giai phẩm” thậm chí không đề xướng tôn chỉ, mục đích cụ thể; không đề cập hay bàn luận về các vấn đề chính trị, chủ trương đường lối chính sách của Đảng; chỉ tập trung đòi hỏi giới lãnh đạo văn nghệ phải tôn trọng sự sáng tạo cá nhân, phải kịp thời nhận thấy những hạn chế, sai lầm cố hữu để thay đổi, phác định đường lối lãnh đạo văn nghệ đúng đắn, phù hợp.

Cái tinh thần dân chủ và ý thức đấu tranh cho sự thật trong nội bộ văn nghệ đó về sau nhanh chóng lan rộng, nhận được sự hưởng ứng, tham gia của nhiều trí thức, văn nghệ sĩ đang hoạt động ở nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau, trong đó có cả các giáo sư đang giảng dạy đại học như Nguyễn Mạnh Tường, Trương Tửu, Phan Khôi, Trần Đức Thảo... Bên cạnh các sáng tác và một số nội dung trao đổi, bàn luận học thuật thuần túy; nhiều vấn đề bức xúc hiện tồn và mới nảy sinh trong đời sống chính trị xã hội đương thời cũng được các nhà trí thức, văn nghệ sĩ đăng tải trên các số báo, tạp chí xuất bản định kì. Bởi vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, “Nhân văn - Giai phẩm” đã trở thành tâm điểm, thu hút sự chú ý rộng rãi của toàn xã hội; trong đó, đương nhiên, có sự chú ý, “ghi sổ” của giới chính trị lãnh đạo văn nghệ.

Do chỉ tồn tại trong thời gian ngắn, nên số lượng ấn phẩm đã xuất bản của “Nhân văn - Giai phẩm” cũng rất ít. Báo “Nhân văn” hay mỗi số “Giai phẩm” cũng chỉ vồn vện 65 - 70 trang (cả bìa), chỉ đủ đăng tải một lượng nhất định sáng tác và dăm bài nghiên cứu, nghị

luyện phê bình, thường in tại nhà in Minh Đức ở thành phố Hà Nội trên nền giấy xấu. Diễn biến quá trình sáng tác, in ấn, xuất bản các ấn phẩm, tập san của “Nhân văn - Giai phẩm”, kể trên những nét chính, có thể tóm lược như sau:

- Ngày 29/8/1956, *Giai phẩm Mùa thu* (tập I) ra đời, có đăng các bài khởi đầu cho một chuỗi “sinh sự”, “có vấn đề”... như *Phê bình lãnh đạo văn nghệ* của Phan Khôi, *Bệnh sùng bái cá nhân trong lãnh đạo văn nghệ* của Trương Tửu,...

- Ngày 15/9/1956, bán nguyệt san *Nhân Văn số 1*, do Hoàng Cầm, Lê Đạt, Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy chủ trương, với Phan Khôi là chủ nhiệm và Trần Duy là thư ký toà soạn ra đời với những bài chủ chốt: *Con người Trần Dần* của Hoàng Cầm, bài thơ *Nhân câu chuyện mấy người tự tử* của Lê Đạt và bức tranh Nguyễn Sáng về Trần Dần với vết sẹo trên cổ,...

- Ngày 30/9/1956, ấn bản *Nhân văn số 2*.

- Ngày 8/10/1956 tái bản *Giai phẩm Mùa xuân*.

- Ngày 15/10/1956, *Nhân văn số 3* ra mắt, đăng bài *Nỗ lực phát triển dân chủ* của Trần Đức Thảo,...

- Cuối tháng 10/1956, *Giai phẩm Mùa thu* (tập II) ra đời, có những bài *Những người khổng lồ* của Trần Duy, *Chống tham ô lãng phí* của Phùng Quán, *Cũng những tháng nịnh hót* của Hữu Loan,...

- Ngày 05/11/1956, *Nhân văn số 4*, đăng bài *Thành thật đấu tranh cho tự do dân chủ* của Trần Duy, *Con ngựa già của chúa Trịnh* của Phùng Cung,...

- Cùng ngày 05/11/1956, *Giai phẩm Mùa thu* (tập III) phát hành, đăng các bài *Văn nghệ và chính trị* của Trương Tửu, *Vừa khóc vừa cười* của Nguyễn Mạnh Tường, *Muốn phát triển học thuật* của Đào Duy Anh,...

- Ngày 10/11/1956, các giáo sư Trương Tửu, Trần Đức Thảo, ... cùng một số sinh viên cho ra *Đất Mới, tập 1* có nhan đề “*Chuyện sinh viên*”, ruột in tại nhà in Hiến Nam, Minh Đức in bìa, ... đăng một số bài phản ánh nổi bức xúc và cuộc đấu tranh phê phán sự ngang ngược, độc đoán, bè phái và xu nịnh cấp trên của hàng chục cán bộ lãnh đạo nhà trường của sinh viên Đại học Văn khoa Hà Nội. *Đất mới, tập 1* cũng đăng một số bài bình luận, tham góp về cái “sự thể” đang diễn ra là những ý kiến phê bình có chủ ý, cố tình hiểu sai vấn đề, nhằm công kích cá nhân những người tham gia “Nhân văn - Giai phẩm”, chẳng hạn bài *Những người ấy muốn gì?* của Văn Tâm, *Nhấn ông Lê Văn Hải: Hiểu rồi hãy phê* của Nguyễn Đức Tiếu; đồng thời có thông báo đóng trong khung: Đón đọc loại sách TỰ DO DIỄN ĐÀN (Nghị luận - Sáng tác - Phê bình), Tập 1, ra ngày 10-12-1956, Minh Đức xuất bản. Tuy nhiên, loại sách này không bao giờ được ra mắt, bởi chính *Đất mới* cũng chỉ ra được tập 1 này thì bị đình bản.

- Ngày 20/11/1956, *Nhân văn số 5*, đăng bài *Bài học về Ba-lan và Hun-ga-ri* của Lê Đạt, ký tên Người Quan Sát, bài xã luận *Hiến pháp Việt nam 1946 và Hiến pháp Trung hoa* của Nguyễn Hữu Đang, *Thị sĩ máy* của Như Mai,...

- Tháng 12/1956, *Giai phẩm Mùa đông*, đăng bài *Nội dung xã hội và hình thức tự do* của Trần Đức Thảo; đăng tiếp *Văn nghệ và chính trị* của Trương Tửu,...

- Ngày 15/12/1956, *Nhân văn số 6* đang in bị chặn lại, tòa soạn bị đóng cửa.

- Từ ngày 20 đến 28/2/1957, trong Đại hội văn nghệ lần thứ hai họp tại Hà Nội với gần 500 đại biểu, Tổng Bí thư Trường Chinh đã kêu gọi đấu tranh “đập nát” phong trào “Nhân văn - Giai phẩm”.

Thực tế suốt năm 1957, Đảng, Nhà nước và đặc biệt, giới chính trị lãnh đạo văn nghệ đương thời vẫn giữ thái độ hòa hoãn tạm thời với các văn nghệ sĩ trong ngành, “chống đối” này. Nhiều trí thức, nhà văn, nhà thơ từng tham gia “Nhân văn - Giai phẩm” vẫn được tham

gia *Hội Nhà văn* (trước đây là *Hội Văn nghệ*), nhưng số phận và sự nghiệp cầm bút của họ coi như đã được định đoạt. Nhân phong trào “Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng” bị Đảng Cộng sản Trung Quốc chấm dứt cuối năm 1957 sau một năm phát động, hai cuộc “học tập” lớn, thực chất là “chỉnh huấn”, “kiềm thảo”, “đấu tố” nhằm “diệt trừ” các văn nghệ sĩ nguy hại trong nhóm “Nhân văn - Giai phẩm” đã được tổ chức ở ấp Thái Hà tháng 2 và tháng 3/1958. Tại đây, họ chính thức bị dồn lên “đoạn đầu đài”.

Trong nhiều cáo buộc về sự “phản động”, “điên cuồng chống phá” của nhóm “Nhân văn - Giai phẩm” mà nhà thơ Tô Hữu đưa ra trong *Báo cáo tổng kết cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại Nhân văn - Giai phẩm* ngày 4-6-1958 tại Hà Nội, được tổng hợp, in trong cuốn *Bọn Nhân văn - Giai phẩm trước tòa án dư luận*, các “tội trạng” chính của “những tên đầu sỏ, những “cây bút” đã viết “hoặc nhiều hoặc ít” cho “Nhân văn - Giai phẩm” như Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Phan Khôi, Trần Duy, Trần Dần, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, Sĩ Ngọc, Chu Ngọc, Văn Cao, Nguyễn Văn Tý, Phùng Quán, Hoàng Tích Linh, Trần Công, Trần Thịnh, Phan Vũ, Hoàng Huê, Huy Phương, Vĩnh Mai, Như Mai (tức Châm Văn Biêm), Hữu Thung, Nguyễn Khắc Dực, Hoàng Tố Nguyên, Hoàng Yên, Thanh Bình, Yên Lan, Nguyễn Thành Long, Trần Lê Văn, Lê Đại Thanh,...” [1, tr.309-310], thấy hơn 100 người, bị quy kết, khép vào 4 điểm sau:

1. *Nhóm Nhân văn - Giai phẩm: phản đối văn nghệ phục vụ chính trị, thực tế là phản đối văn nghệ phục vụ đường lối chính trị cách mạng của giai cấp công nhân. Chúng đòi tự do, độc lập của văn nghệ, rêu rao sứ mạng chống đối” của văn nghệ, thực ra chúng muốn lái văn nghệ sang đường lối chính trị phản động.*

2. *Nhóm Nhân văn - Giai phẩm: phản đối văn nghệ phục vụ công nông binh, nêu lên con người trừu tượng, thực ra chúng đòi văn nghệ trở về chủ nghĩa cá nhân tư sản đòi tự.*

3. *Nhóm Nhân văn - Giai phẩm: hần học đả kích nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa, nhất là văn nghệ Liên Xô, đả kích nền văn nghệ kháng chiến của ta. Thực ra, chúng phản đối chế độ xã hội chủ nghĩa, chúng đòi đi theo chế độ tư bản chủ nghĩa.*

4. *Nhóm Nhân văn - Giai phẩm: phản đối sự lãnh đạo của Đảng đối với văn nghệ, chúng đòi trả văn nghệ cho văn nghệ sĩ, thực ra chúng đòi đưa quyền lãnh đạo văn nghệ vào tay bọn phản cách mạng* [1, tr.157-179].

Với các “trọng tội” ấy, “Nhân văn - Giai phẩm” trở thành một cái “ổ chuột” hôi hám, mỗi văn nghệ sĩ được gắn với một “xú danh” không thể tẩy rửa hay phân trần: Thụy An: con phù thủy xảo quyệt; Nguyễn Hữu Đang: tên quân sư quạu mo; Trần Thiếu Bảo: tên lái buôn chuyên nghề đầu cơ văn nghệ; Trương Tửu: tên phản cách mạng đội lột Macxit; Trần Đức Thảo: “triết gia” phản bội chân lý; Phan Khôi: nhà nho “tiết tháo” (theo nghĩa thô lậu - VCH); Trần Duy: kẻ “không tim”; Trần Dần: một tâm hồn đòi tự; Lê Đạt: cú mượn lông công; Tử Phác: tên chuyên khích bác, chia rẽ; Hoàng Cầm: tên bội bạc;... Những người như Trần Dần, Phùng Quán, Trần Đức Thảo, Lê Đạt, Hoàng Cầm,... bị bức viết bản thú tội trong đợt kiểm thảo lần 2 ở ấp Thái Hà và liên tiếp bị o bức, giam cầm, đày đọa những ngày sau, phải sống trong “địa ngục trần gian” cả về tinh thần và thể xác đến hết đời.

2.2. Thực hư sự chống đối, phá hoại của “Nhân văn - Giai phẩm”

Như đã nói, “Nhân văn - Giai phẩm” là một tập hợp văn nghệ sĩ tự phát, không phải một tổ chức xã hội đa thành phần, càng không phải một tổ chức chính trị có xu hướng chống đối chế độ như người ta vẫn hiểu và kết tội một cách sai lệch. Toàn bộ các bài viết bị coi là có hơi hướng, màu sắc, chủ ý chính trị của các nhà trí thức, văn nghệ sĩ đăng rải rác trên các ấn phẩm ít ỏi của “Nhân văn - Giai phẩm” ở trên chỉ có tính chất học thuật, trao đổi, bàn luận. Không có bất cứ bài nào hay ý kiến, cụm từ ngữ nào công khai bày tỏ sự phê

phản chống phá, trực tiếp hay gián tiếp, với Đảng, Nhà nước và chế độ; có chăng chỉ là bày tỏ sự bất bình, đòi thay đổi chính sách quản lý văn nghệ rập khuôn; cố tình hạn chế, thủ tiêu sự sáng tạo, sức sáng tạo vốn dĩ trong lĩnh vực văn nghệ mà thôi. Tuy nhiên, để quy kết, chụp mũ cho ai đó, kết luận rằng họ không chỉ thiếu hiểu biết về lý luận văn nghệ Macxit, mà còn sa ngã, phản động về tư tưởng,... Những người “gác cửa” trung thành của nền văn nghệ quan phương, độc tài khi đó đã không ngần ngại suy diễn, bới móc, chỉ trích quan điểm, sáng tác của văn bút đồng nghiệp; với ý đồ, động cơ, mục đích chính trị ngoài học thuật. Quyết tâm soi mói, triệt hạ đã thôi thúc họ tìm ra những chứng cứ “không thể chối cãi” rằng, Phan Khôi, Trần Đức Thảo, Trương Tửu, Trần Duy, Trần Dân,... rõ ràng là có quan điểm chống đối, bất đồng, lệch lạc về tư tưởng, bằng cách *trích dẫn cắt xén* và *xuyên tạc* tính nguyên vẹn của các ý tưởng, luận đề, vấn đề mà các ông đã diễn giải rất logic, mạch lạc, sáng rõ trong nội dung các bài viết.

Tác giả Quang Đạm, trong *Kiên quyết chống chủ nghĩa xét lại* (Nxb Sự thật, Hà Nội, 1958), mục III. “*Lợi dụng lẫn nhau hay là tự thân văn nghệ mang sẵn tính chất chính trị cách mạng*” có viết về Phan Khôi như sau: “Phan Khôi, trong bài *Phê bình lãnh đạo văn nghệ (Giai phẩm mùa thu tập I)* đã viết: “Chính trị phải vô vai văn nghệ mà nói rằng: *sở dĩ tao tha thiết đến mày là vì tao muốn lợi dụng cái nghệ thuật của mày. Đã cởi mở với nhau như thế rồi, văn nghệ đồng ý. Nhưng phân nghệ thuật là phần riêng của văn nghệ, chính trị không bao biện được, nó phải đòi được tự do trong phần ấy. Như thế, tưởng chính trị cũng không lấy lẽ gì mà không đồng ý. Hai bên đều có lợi, cái nguyên tắc ấy ngày nay nó thích dụng trong bất cứ sự hợp tác nào*” [dẫn theo 1, tr.192]. Trích dẫn, nhấn mạnh ý này, Quang Đạm cốt gán cho Phan Khôi cái tội là người chủ mưu đòi tách văn nghệ ra khỏi chính trị, khỏi sự lãnh đạo của Đảng; văn nghệ độc lập với chính trị, văn nghệ và chính trị là đôi bạn “vô vai nhau cùng tiến”,... Đây quả thực là một ác ý.

Tuy nhiên, đối chiếu với nguyên văn bài viết Phan Khôi đã đăng trên, có thể nhận thấy rằng, Quang Đạm đã cố tình bỏ bớt những câu đầu của đoạn, và bỏ luôn cả một chữ “e” rất quan trọng trong một câu ở đoạn dưới. Cụ thể đoạn đó thế này: “*Trở lại vấn đề tự do của văn nghệ sĩ. Thực ra thì, như trên đã nói, văn nghệ sĩ không đòi tự do bừa bãi, họ chịu ở dưới quyền lãnh đạo, chỉ duy cái vấn đề họ đặt ra là lãnh đạo phải như thế nào. Nói như thế cũng chưa hết ý. Phải nói rằng văn nghệ sĩ cũng muốn được tự do, nhưng họ chỉ yêu cầu được tự do trong nghệ thuật.*”

Dành rằng văn nghệ phục vụ chính trị, cho nên chính trị phải lãnh đạo văn nghệ. Nhưng phải hỏi: chính trị nếu muốn đạt đến cái mục đích của nó, thì cứ dùng những khẩu hiệu, biểu ngữ, thông tri, chỉ thị, không được hay sao, mà phải cần dùng đến văn nghệ? Trả lời cho thành thật, e chính trị phải vô vai văn nghệ mà nói rằng...” [6, tr.8]. Như thế, ở đây đâu có chuyện “văn nghệ đòi thoát li sự lãnh đạo của chính trị”? Chỉ việc cắt xén một chữ “e” thôi đã biến một câu giả định thành khẳng định, và biến chủ đề “phê bình lãnh đạo văn nghệ” quan liêu, không chú ý, không coi trọng văn nghệ và sự sáng tạo của văn nghệ sĩ thành câu chuyện về “vị thế” và “đòi hỏi” của văn nghệ với chính trị.

Trong số các “lý luận gia” của “Nhân văn - Giai phẩm”, Trương Tửu là người tích cực và hăng hái nhất. Không thể nói rằng các bài viết của Trương Tửu không gay gắt và có hàm ý tranh biện rõ ràng, nhưng là tranh biện và gay gắt với kiểu người và lối lãnh đạo quyền uy, áp đặt và phê bình chụp mũ. Trong *Giai phẩm mùa thu tập II*, ông cho đăng bài “*Bệnh sùng bái cá nhân trong giới lãnh đạo văn nghệ*” [7, tr.3-14], chỉ rõ tác hại của bệnh sùng bái cá nhân; sự sùng bái cá nhân làm nảy sinh thái độ quan liêu, bè phái, xu nịnh ngay trong giới sáng tạo nghệ thuật vốn coi trọng, đề cao tự do và cá tính, không chấp nhận sự độc đoán, dốt nát, chuyên quyền. Cũng trong bài viết này, ông đã “hé lộ” lí do dẫn đến sự “đồng

khởi” của các nhà văn, nhà thơ là thành viên chủ chốt của “Nhân văn - Giai phẩm”: “*Khởi điểm là ở phòng văn nghệ quân đội. Trần Dân, Phùng Quán, Trần Công, Tử Phác, Hoàng Cầm, ... để đạt nguyện vọng lên ban lãnh đạo yêu cầu một chế độ công tác hợp với tính chất đặc biệt của sự sáng tạo văn nghệ, yêu cầu trao trả quyền điều khiển văn nghệ cho văn nghệ sĩ, yêu cầu tự do trong sáng tác và sinh hoạt trong văn nghệ. Các nhà lãnh đạo văn nghệ quân đội, chủ quan và độc đoán, kiên quyết đàn áp phong trào đấu tranh chính đáng ấy*” [7, tr.3]. Bài viết này của Trương Tửu chưa chắc đã bị đưa vào “sổ đen” cần chú ý đặc biệt nếu như ông không nhắc đến sự thẳng thắn của Nguyễn Hữu Đang; đến Tô Hữu, đại diện cao nhất của “phe” lãnh đạo văn nghệ, người cũng phải kiềm thảo nhưng không được tán thành, bị chất vấn, trong đợt học tập lý luận văn nghệ Liên Xô và Trung Quốc suốt mười tám ngày tháng 8.1956 tại Trụ sở Hội Văn nghệ. Cùng với việc công khai đánh giá thấp chất lượng nghệ thuật của tập thơ Việt Bắc, sự thẳng thắn chất vấn, phê bình này đã làm tổn hại nghiêm trọng đến thanh danh lá cờ đầu của nền thi ca cách mạng Việt Nam và nền văn nghệ mới mà ông đang được giao nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý. Do đó, đến các bài viết tiếp theo: *Văn nghệ và chính trị* [8, tr.3-18] và *Tự do tư tưởng của văn nghệ sĩ và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Bôn-sê-vích* [9, tr.3-10, 63-72] mới bị “soi”, “bóc lông tìm vết” kĩ lưỡng, bị xuyên tạc, chụp mũ trắng trợn. Trong bài viết *Tự do tư tưởng của văn nghệ sĩ và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Bôn-sê-vích*, Trương Tửu đã phân tích rạch ròi các luận điểm của Lê nin trong bài báo *Tổ chức Đảng và văn học có Đảng tính* của Người, nhấn mạnh sự không hề mâu thuẫn giữa tự do sáng tác của nghệ sĩ với sự lãnh đạo của Đảng, của chính trị: “*Văn học là vật ít chịu khuất phục nhất đối với sự bình quân hóa máy móc, sự san bằng, sự đa số chế ngự thiểu số. Trong lãnh vực ấy, phải tuyệt đối bảo đảm phạm vi thật rộng rãi cho sáng kiến cá nhân, cho sở thích cá nhân, cho tư tưởng và sức tưởng tượng phóng khoáng, cho nội dung và hình thức. Điều này không ai có thể chối cãi được*” [9, tr.64]; “*Mỗi nghệ sĩ, mỗi ai tự nhận là nghệ sĩ đều có quyền sáng tác hoàn toàn tự do, hợp với lí tưởng của người ấy, hoàn toàn độc lập. Nhưng chúng ta là những người cộng sản. Chúng ta không khoan tay để cho sự hỗn độn tự do phát triển. Chúng ta phải hướng dẫn quá trình ấy đến những kết quả định trước theo một kế hoạch nhất định*” [9, tr.69],...

Thiết nghĩ, những phân tích, kiến giải này là đúng đắn và rõ ràng, không có vấn đề “tự do văn nghệ sĩ mâu thuẫn với sự lãnh đạo của Đảng hay “*Tại sao lại có ý kiến - rất sai lầm của một số người (Nguyễn Chương, Xuân Trường, Quang Đạm, Hoàng Xuân Nhị - tôi chỉ mới kể đến những người viết trên báo Nhân dân, cơ quan Trung ương của Đảng Lao động Việt Nam) cho rằng, anh em văn nghệ sĩ đòi thoát li sự lãnh đạo của Đảng?*” [9, tr.5] như ông đặt ra ngay từ nhập đề bài viết.

Càng đối chiếu với nguyên văn các bài viết mà các văn nghệ sĩ, trí thức đã đăng tải trên “Nhân văn” hay “Giai phẩm” càng thấy như thể có một sự thống nhất, ngấm ngấm, có chỉ đạo, giạt dây trong xuyên tạc, gán ghép, kết tội trắng trợn, bất chấp căn cứ, thủ đoạn. Văn tặc giả Quang Đạm, trong công trình *Kiên quyết chống chủ nghĩa xét lại* đã dẫn trên, đã “quả quyết” rằng: “*Chính vì chống lại nguyên tắc căn bản và quy luật phổ biến đó của chủ nghĩa Mác - Lê-Nin mà Nguyễn Hữu Đang đã dám nói rằng đường lối văn nghệ của Trung ương Đảng ta sai; Phan Khôi đã dám nói rằng chính trị không hiểu văn nghệ; Trương Tửu đã dám nói rằng, Đảng ta đã không nhận thức đúng tinh thần của Lê-Nin về quan hệ giữa chính trị và văn nghệ*” [1, tr.194]. Hòa theo quan điểm này, Hồng Cương cũng “bóc trần” bộ mặt “phản động” và quá trình chống đối ngấm ngấm của bọn “Nhân văn - Giai phẩm” bằng những “khái quát” như sau: “*Sự chống đối của chúng không còn tính chất văn nghệ nữa mà đã trở thành một cuộc chống đối về chính trị công khai. Nhóm Giai phẩm chống*

Đảng về văn nghệ đã biến thành nhóm phá hoại chính trị trắng trợn Nhân văn - Giai Phẩm. (...) Từ Nhân văn số 4 trở đi (...) thì chúng đã chuyển hẳn sang chống đối về chính trị, kích động quần chúng biểu tình chống lại Đảng và Chính phủ ta nhân lúc Quốc hội ta đang họp” [1, tr.18-19].

Chính cách phán xét vô trách nhiệm, quyền uy và áp đặt này đã định hướng dư luận, “đặt” vào đầu những người không mấy am hiểu về lý luận văn nghệ Mác-xít, về mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ, về bản chất của sáng tạo nghệ thuật và sứ mệnh của văn nghệ sĩ cái định kiến hằn học mang màu sắc chính trị, giai cấp đầy lộ liễu, thiên cận như đã nói trên; bất chấp cả những lời minh biện khách quan như ông Nguyễn Đức Tiếu đã nói toạc ra về việc phê phán Trương Tửu một cách ngu dốt và thô bỉ trong bài “*Nhấn ông Lê Văn Hải: Hiếu rồi hãy phê*” [10, tr.59-64]. Quả thật, trong bài viết trên của Trương Tửu và bài viết của các tác giả khác như Trần Đức Thảo (*Nội dung xã hội và hình thức tự do*, tr.15-21), Sỹ Ngọc (*Làm cho hoa nở bốn mùa*, tr.27-33) [Giai phẩm mùa đông 1956, tập I]; Trần Duy (*Những người khổng lồ*, tr.32-38) [Giai phẩm mùa thu 1956, tập II]; Nguyễn Mạnh Tường (*Vừa khóc vừa cười*, tr.22-25), Đào Duy Anh (*Muốn phát triển học thuật*, tr.33-46) [Giai phẩm mùa thu 1956, tập III],... chúng tôi cũng không thấy một cụm từ nào trực tiếp nói về “Đảng ta” với thái độ bất mãn và công kích, tỏ ý “chống đối” Đảng, chống đối chế độ chính trị như kết tội thế. Người ta quy kết “Nhân văn - Giai phẩm” câu kết với các thế lực phản động, được “tình báo nước ngoài” lôi kéo, hỗ trợ, tiếp tay; nhưng ngay trong bản tuyên án *Bọn Nhân văn - Giai phẩm trước tòa án dư luận*, các vị “quan tòa” cũng không đưa ra được bất cứ bằng chứng cụ thể nào về điều đó.

Với các sáng tác, sự xuyên tạc và quy tội cũng chẳng kém phần nặng tay. Dưới đây là một đoạn khá dài, xin được trích dẫn lại lời “bình” của một trong các vị “quan tòa” - Hồng Chương: “*Báo Nhân văn* và các tập *Giai phẩm* không chỉ chống Đảng, chống chế độ bằng “lý luận” mà họ còn sáng tác hàng loạt thơ văn để đả kích Đảng ta, đả kích chế độ ta. Ngay từ khi hòa bình mới lập lại, cách mạng thắng lợi ở miền Bắc đã làm cho họ không hài lòng, giữa lúc toàn dân ta chào mừng Thủ đô giải phóng thì Trần Dần than vãn:

*Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
Trên màu cờ đỏ*

Trần Dần miêu tả miền Bắc giải phóng với một màu âm đạm. Giữa lúc quân giặc đang đóng sát nách ta (ở Hải Phòng), Trần Dần đã thọc vào sau lưng Đảng và chế độ ta một lưỡi dao nhọn: Bài thơ *Nhất định thắng*, Trần Dần kêu la:

*Em biết đâu
Mỹ miếc Ngô nghệ gì
Khổ thân em mưa nắng
Đi về lủi thủi*

[...] Cũng như Trần Dần, Hoàng Cầm cũng nói đến “giá trị con người” và cho rằng trong chế độ ta con người bị chà đạp như “con giun bị xéo quần lên”. Hoàng Cầm viết: “Tôi đã khóc và suy nghĩ rất nhiều về giá trị con người”. Lê Đạt cũng nói chế độ ta “ngang nhiên xúc phạm con người”, “nhân câu chuyện mấy người tự tử”, Lê Đạt đã buộc chế độ ta:

*... Dem bực công an
máy móc
đặt giữa trái tim người
Bất tình cảm ngược xuôi
theo đúng luật đi đường Nhà nước.*

Hữu Loan viết: “Trong chế độ cộng hòa – những thằng nịnh còn thên thang đất sống” và vu khống những cán bộ của Đảng của Chính phủ là “những thằng nịnh hót”.

Những người trong nhóm: “Nhân văn - Giai phẩm” không ngớt lời chửi rủa các chiến sĩ cách mạng, các đảng viên cộng sản là “óc sên”, là “giây leo”, là “nịnh hót”, là “tính vật”, là “thiếu tim, thiếu óc”. Trắng trợn hơn cả là Trần Duy. Trần Duy đã gọi những người cộng sản chân chính là “Những người khổng lồ không tim”. Trần Duy còn gọi cán bộ của Đảng của chính quyền là “sên ốc không cánh mà bay cao”.

Nhóm “Nhân văn – Giai phẩm” đua nhau đả kích chế độ ta. Họ vu chế độ ta là “phủ chúa Trịnh” làm hư hỏng hết cả nhân tài (xem bài *Con ngựa già của phủ chúa Trịnh* của Phùng Cung). Họ bảo chế độ ta chỉ có thể chế tạo ra loại “thi sĩ máy” (xem bài Thi sĩ máy của Châm Văn Biếm). Với một giọng xỏ xiên, Phan Khôi bảo là trong chế độ ta không ai được nói và con người phải chịu đói chết trong tre:

Nói thì roi dài sẽ quật chú

... Đói nằm trong tre chết cũng đủ.” [1, tr.217-218].

Trích dẫn ra nữa thì còn rất dài và nhiều, bởi đây chỉ là ý kiến của một trong những cá nhân tự cho mình có quyền “luận tội” nhằm bảo vệ sự tốt đẹp, “quang minh chính đại” của chính quyền, thể chế tư tưởng đương thời, trong khi các lời cáo buộc với nhiều loại ngôn từ thô tục hơn cả ở chợ búa trong *Bọn Nhân văn - Giai phẩm trước tòa án dư luận* không chỉ gồm của họ, mà còn của cả một hệ thống nhất loạt “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”, “tiền hô, hậu ủng” nhân danh dư luận, tập thể mà họ đã dẫn dụ, mớm lời để đám đông nói. Điều mà chúng tôi nhận thấy ở đây, qua văn bản in các sáng tác ấy trên các số báo, tập san đã dẫn ra, không phải như vậy. Bài thơ nào cũng đều trước hết nêu ra một thực trạng: có sự khó khăn, thiếu thốn, gian nan mà nhân dân Hà Nội, đồng bào cả nước phải gánh chịu khi chúng ta vừa kết thúc cuộc kháng chiến trường kì chống Pháp, lại phải đối mặt với thực tiễn đất nước bị chia cắt; có những kẻ thoái hóa, những nhiều, cậy quyền thế, chức vụ,... sống phè phỡn trên xương máu của nhân dân (trường hợp Trần Dụ Châu là một điển hình); có những kẻ hách dịch và xu nịnh, bợ đỡ, cơ hội, gian manh ngay trong đời thường, trong sáng tác và trong đời sống văn hóa tinh thần xã hội sau một chặng đường dài vốn đang rất cần một sự tổng kết, thanh lọc, chấn chỉnh.

Thực tế ấy khiến những người từng tham gia kháng chiến, nặng lòng với đất nước nhân dân, với chế độ, trong đó có các văn nghệ sĩ, thấy day dứt trần trờ, muốn vạch trần, cảnh báo. Khốn nỗi, các văn nghệ sĩ, các nhà trí thức giảng dạy trong các trường đại học lại không có quyền thế, không được vũ trang bằng hệ thống lý luận chính trị quan phương cứng nhắc và thứ “nhân sinh quan cộng sản” đứng trên thực tế. Họ chỉ có tri thức, tâm huyết và công cụ là văn chương. Mọi sự diễn đạt của họ qua thứ vũ khí ngôn từ và hình tượng có sẵn trong tay ấy đều rất dễ bị cắt xén, suy diễn, bẻ ngoặt theo chiều hướng ngược lại, bị kết tội là tiêu tư sản yếm thế, phản động, xuyên tạc thực tiễn. Đơn giản, ngay trong bài *Cũng những thằng nịnh hót* của Hữu Loan, Hồng Chương đã cố tình bỏ qua phụ đề *Sau khi đọc bài: Những thằng nịnh hót* của Maiakopski và hai câu trên của các câu tiếp theo mà ông đã dẫn ra để kết tội. Hữu Loan chẳng hề bôi nhọ hay giễu cợt khi thể hiện nỗi bức xúc và nỗi đau:

“Một điều đau xót

Trong chế độ chúng ta

Trong chế độ cộng hòa

Những thằng nịnh còn

thên thang

đất sống” [7, tr.59].

Bởi chúng là những kẻ ác nhân, xu nịnh, mang danh hay núp bóng “cán bộ lãnh đạo”,

chuyên bày mưu tính kế hãm hại người khác:

*“Chúng gieo họa gieo tai
Kiểm thảo
hạ tầng
- Còn quy là phản động!
Có người
Đã chết oan
vì chúng
Vẫn thiết tha yêu chế độ
đến hơi thở cuối cùng”* [7, tr.61].

Như thế, ai bảo Hữu Loan phiến diện, một chiều, bi quan, vu cáo chế độ, nhìn đời qua “cặp mắt đen” do bị tiêm nhiễm tư tưởng “phản động”, có “tâm hồn đen”?!

Trường ca *Nhật định thắng* của Trần Dần bị công kích, đá phá thô bạo, dữ dội nhất. Song nó hoàn toàn không phải là lời than vãn, trách cứ Đảng, Nhà nước hay chế độ tốt đẹp của chúng ta. Diễn trình cảm xúc của bài thơ là diễn trình vận động của sự nhận thức về thực tại gian khó, của sự quyết tâm vượt qua, của niềm tin vào Đảng, vào chế độ. Quả là qua lời tâm tình của người anh và người em ở phố Sinh Từ “*Những ngày ấy bao nhiêu thương sót*” khi nỗ lực ngăn cản những người mê muội rời Bắc vào Nam khi đất nước chia cắt, bài thơ phô bày thật nhiều trăn trở, nghi ngại, u sầu qua ba lần lặp lại tứ thơ “*Tôi bước đi... không thấy phố... không thấy nhà...*” [5, tr.15,16,17] như Hồng Chương trích dẫn, nhưng chính Hồng Chương đã cố tình một cách man rợ, cắt xén sự chuyển đổi nhận thức tư tưởng hành động, niềm lạc quan, tin tưởng vào hòa bình, chính nghĩa và tương lai của chủ thể trữ tình kết tụ như gam màu chủ đạo, điểm sáng chính ở gần cuối bài thơ:

*“Những ngày thương sót đã lùi xa
Hòa bình
thêm vững
Anh bước đi
đã thấy phố thấy nhà
Không thấy mưa sa
Chỉ thấy nắng lên
trên màu cờ đỏ”* [5, tr.24].

Tương tự như thế, *Những người không lồ* (truyện) của Trần Duy hay *Ông bình vôi* (thơ) của Lê Đạt là một thứ “truyện cổ viết lại”. Cốt truyện cổ tích về những người không lồ “có tim” hay “không tim” trong những ngày đầu Thượng đế sắp đặt muôn loài tất nhiên là một giả định, ám dụ nghệ thuật; nhưng trong bài thơ, nó được sử dụng làm nền cảnh để chuyển tải niềm khao khát, ước nguyện chính đáng của nhân dân về những người “công bộc” của chế độ mới, những người ấy phải có đủ cả thể chất và tâm hồn, đức và tài, tình yêu con người và tinh thần trách nhiệm. Chỉ có những người cộng sản chân chính (như đề từ của bài thơ: *Gửi những người cộng sản chân chính*) mới thực sự là những người “không lồ” được nhân dân tin cậy, yêu quý. Việc gán cho bài thơ là ám chỉ, bôi nhọ những người chiến sĩ cách mạng hay tự nhận, vơ vào, ngạo mạn xếp mình vào hàng ngũ “những người cộng sản chân chính” đều là áp đặt, đổi trắng thay đen, tự huỷ hoại, đề cao bản thân mình. Còn nhớ, Lenin từng nói, kiêu ngạo vừa là bản tính vừa là nỗi hổ thẹn của những người cộng sản. Đây là tâm nguyện của người “phu chữ”, “phó thường dân” Lê Đạt (1929-2008) lúc đó:

*“Anh muốn Đảng gọi anh đến nơi
Hội ý về cuộc sống*

*Điều động anh vào Bộ Tâm hồn quân chúng
Giúp Trung ương
Xây dựng
Những con người”.*

Liệu rằng tâm nguyện này, những con người này có thể là những kẻ “phản động”, chống phá điên cuồng Đảng, Nhà nước và chế độ tốt đẹp của chúng ta như người ta đã kết tội ông và cả “bè lũ” của ông thời ấy?!

2.3. Thử cắt nghĩa vận hạn của “Nhân văn - Giai phẩm”

Sự ra đời của “Nhân văn - Giai phẩm”, xét trong bối cảnh cụ thể khi đó, vừa phù hợp vừa không phù hợp, tiềm ẩn nhiều tai họa. Phù hợp là ở chỗ, thời điểm này tại hai nền văn học xã hội chủ nghĩa trụ cột là Liên Xô và Trung Quốc đang diễn ra một số thay đổi, thông thoáng chốc lát trong chính sách lãnh đạo, quản lý văn nghệ. Đảng Cộng sản Liên Xô từ khi Tổng bí thư N.Khrutsov lên nắm quyền quyết tâm phá bỏ “Chủ nghĩa Stalin” cùng tâm lý “sùng bái cá nhân”; Đảng Cộng sản Trung Quốc đang triển khai phong trào “Trăm hoa đua nở”, khuyến khích sự tự do sáng tạo của văn nghệ sĩ. Nhưng không phù hợp, tiềm ẩn nhiều tai họa là ở chỗ: cả hai phong trào này đều không tồn tại lâu, bởi những định kiến với những người có quan điểm “trái chiều” (*kẻ không hát cùng chúng ta, đó là kẻ thù của chúng ta*) luôn ngự trị trong hệ hình tư duy của các nhà lãnh đạo chính trị độc đảng. Sở dĩ phong trào “Trăm hoa đua nở” ở Trung Quốc nhanh chóng chấm dứt là bởi Đảng Cộng sản Trung Quốc chỉ coi nó như là một phép thử, đúng hơn là “mồi nhử” để các phần tử văn nghệ sĩ có tư tưởng bất đồng, chống đối, phản động lộ mặt. Ở Liên Xô, việc phá bỏ tâm lý “sùng bái cá nhân” hoàn toàn không đồng nhất với việc ngừng trấn áp các nhà văn; vụ nhà văn B.Pasternak buộc phải từ chối giải Nobel văn chương 1958 là ví dụ điển hình. Tuy nhiên, ở “chiến địa” của sự tàn sát văn nghệ sĩ chống đối một thời là Liên Xô, đôi khi các vị “bạo chúa” cũng nhân từ: J.Stalin không làm hại M.Bulgakov; N.Khrutsov không xuống tay tàn độc với B.Pasternak, L.Leonov, Đ.Granin,...

Nếu so với các cuộc tranh luận học thuật sôi nổi, rầm rộ trước đó chỉ hai thập niên, khi văn nghệ chưa có sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, quyền uy của chính trị, thì sự tồn tại của “Nhân văn - Giai phẩm” – nhóm văn chương - học thuật bị quy kết là tổ chức chính trị phản động – quả là “đoản mệnh”, bị dập tắt chóng vánh. Không chỉ cá nhân là thành viên trong “Nhân văn - Giai phẩm”, mà cả đội ngũ văn nghệ sĩ trí thức có tư tưởng dân chủ đổi mới nói chung bị tê liệt, đời sống văn hóa tinh thần xã hội ngưng trệ. “Nhân văn - Giai phẩm” bị công kích, xuyên tạc, luận tội ngay từ ý tưởng, quan điểm, đề xuất lẫn sáng tác của họ. Điều đáng nói chính là ở chỗ, *họ không có cơ hội, đúng hơn, bị tước bỏ trắng trợn và thô bạo quyền được đối thoại, phản bác, trình bày, bào chữa*. Người ta đồng lòng hiệp sức chụp mũ, gán ghép, đổ tội cho họ; trích dẫn cắt xén, xuyên tạc, đổi trắng thay đen quan điểm của họ; coi họ là “quái thai” về tư tưởng; là những kẻ phản động, chống phá điên cuồng chế độ,... cần dẹp bỏ. Sự tấn công có chủ ý kèm *tâm lý đám đông*, trong đó có nhiều kẻ cơ hội chính trị, đội lốt, giả danh trí thức, thậm chí chưa từng đọc hay lắng nghe họ nói gì, viết gì và viết như thế nào,... đã dồn cả một phong trào với đủ tầng lớp, thành phần trí thức vào tận cùng bi kịch.

Quả thật, khi văn chương lọt vào “tầm ngắm” của chính trị, đúng hơn, còn chịu sự lãnh đạo của một thể chế tư tưởng vốn chỉ coi nó như một thứ công cụ tuyên truyền chứ không phải là sản phẩm của sự sáng tạo, nó tất yếu lép vế, bị chèn ép. Tâm huyết sáng tạo của nghệ sĩ bị xem thường; sự phản ánh cuộc sống bằng ngôn từ và hình tượng vốn đầy áp ám chỉ, ẩn dụ, suy ngẫm, liên tưởng,... dễ trở thành một sự hờ hênh, sơ suất để người ta suy diễn, xuyên tạc, bắt lỗi. Nhưng đây là bản chất của sáng tạo văn chương, là thiên chức, sứ

mệnh của người nghệ sĩ. Người nghệ sĩ cần theo đuổi “thiên tư”, “thiên chức” của riêng mình (chữ của B.Pasternak, nhà văn Xô viết bị gọi là tên “Judas phản Chúa”, “con cừu ghê lở”, “thứ cỏ dại”,... khi ông được Viện Hàn lâm Thụy Điển trao tặng nhưng buộc phải từ chối nhận giải Nobel văn chương tháng 10/1958); người nghệ sĩ chân chính cần sáng tạo như “cá cần nước” (chữ của M.Bulgakov), bất chấp “...những dòng chữ sống động, thấm đẫm máu tươi vốn có sức giết người” (văn ý thơ của B.Pasternak) sẽ mang tai họa đến cho họ.

Điều đen đui nhất của “Nhân văn - Giai phẩm” chính là ở chỗ, họ đã khởi đầu cuộc tranh luận văn chương học thuật bằng việc công kích tác phẩm của *người đứng đầu*, một người sáng tác, nhà thơ - nhà chính trị, được giao trọng trách lãnh đạo, chỉ đạo nền văn nghệ cách mạng mới. Sự khinh suất đã khiến họ không biết rằng đang “mạo phạm” đến “thánh thần” (mượn chữ trong tiểu thuyết *Thời của thánh thần* của Hoàng Minh Tường sau này). Và một người làm thơ, không nói đến sự tự ái hay thù hận, nếu định kết tội các “đồng nghiệp” thơ ca bằng thanh bảo kiếm chính trị hợp pháp đang nắm giữ lúc ấy, hỏi họ sẽ thoát tội bằng cách nào?! Vậy nên, kết cục bi thảm mà các trí thức, văn nghệ sĩ trong nhóm *Nhân văn - Giai phẩm* phải gánh chịu là hệ quả tất yếu và tàn khốc của một cuộc “đầu độc”, “tẩy nã” văn nghệ có chủ ý, có màu sắc, hơi hướng cá nhân; không chỉ nhằm quét sạch những tàn dư tiểu tư sản lãng mạn kiêu hùng còn rơi rớt lại đầu thời kì chống Pháp; mà còn nhằm xác lập vị thế độc quyền của chính trị trong lãnh đạo văn nghệ. Hệ quả thì ai cũng rõ, nền văn học hơn hai mươi năm sau đó (thậm chí cả khi đã hoàn thành nhiệm vụ của một nền văn học chiến tranh) vẫn độc xướng một giọng sử thi, tụng ca và thái độ quyền uy xu phụ. Cho nên, cũng không nên bảo rằng đây là một “vụ án văn chương”, phải nói đây là một “vụ án chính trị” được sắp đặt bởi “người cầm quyền”, đang nắm “uy quyền”, là câu chuyện “cành đậu nấu hạt đậu”.

3. KẾT LUẬN

Có thể nói, việc mặc nhiên coi Nhân văn - Giai phẩm như một tổ chức chính trị xã hội, hoạt động có mục đích tuyên truyền chống Đảng, chống Nhà nước trong lĩnh vực văn nghệ, có sự lôi kéo tiếp tay của thế lực tình báo nước ngoài chứ không phải là một phong trào văn chương học thuật, là một sự quy kết, chụp mũ tàn độc, tệ hại. Để kết tội “Nhân văn - Giai phẩm”, người ta sẵn sàng bất chấp các bằng chứng cụ thể, xác thực là các quan điểm, ý kiến tranh luận cũng như sáng tác của các văn nghệ sĩ được đăng tải trên các số Tạp chí “Nhân văn”, “Giai phẩm”,... ít ỏi đương thời; bỏ qua yêu cầu nhận thức đánh giá lại khi văn nghệ được “cởi trói” từ sau năm 1986, thậm chí cả những tư liệu, nhật kí, hồi kí, thư từ trao đổi, ghi chép, phỏng vấn,... của những “người trong cuộc” còn sót lại được công bố trên các kênh chính thống và phi chính thống những năm gần đây. Nói chung, sự nhìn nhận, đánh giá về “Nhân văn - Giai phẩm” của đa số công chúng độc giả đến nay vẫn bị tác động bởi những quan điểm, định kiến thiên lệch, thiếu khách quan công bằng của một thời, đang rất cần một sự cải chính, làm rõ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nhiều tác giả. (1959). *Bọn Nhân văn - Giai phẩm trước tòa án dư luận*. Nxb Sự thật, Hà Nội.
2. https://vi.wikipedia.org/wiki/Phong_trào_Nhân_văn_-_Giai_phẩm; truy cập ngày 25.7.2021.
3. https://vi.wikipedia.org/wiki/Lê_Đạt; truy cập ngày 25.7.2021.
4. Tổ Hữu. (1958). *Qua cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại Nhân Văn - Giai Phẩm trên mặt trận văn nghệ*. Nxb Văn hóa, Hà Nội.
5. Minh Đức. (1956). *Giai phẩm mùa xuân*..
6. Minh Đức. (1956). *Giai phẩm mùa thu*, tập I, tập II. Tập III.
7. Minh Đức. (1956). *Giai phẩm mùa đông*, tập I. Xuất bản tháng 12.1956.
8. Minh Đức. (1956). *Đất mới, tập I - Chuyện sinh viên*. Xuất bản tháng 11.1956.

9. Nhiều tác giả. (1988). *Boris Pasternak - Con người và tác phẩm*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Mã Giang Lân. (2005). *Những cuộc tranh luận văn học nửa đầu thế kỉ XX*. Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

“NHAN VAN - GIAI PHAM” AND A TRAGIC ENDING FOR A LITERARY ERA

***Abstract:** The era of Nhan van-Giai pham” (roughly, Humanities - Masterpieces”) and the associated research and critiques only lasted for short of two years (1956-1957), but its tragedy and consequent sufferings experienced by its members have endured far beyond. This paper provides some evidence from articles and other pieces of writings published in this era in order to provide readers with an accurate and objective perspective on the wrongs and sufferings perceived to be associated with this literary era.*

***Keywords:** Nhan van - Giai pham; wrongs; literary affairs.*